

Số: 1596/QĐ-UBND

Bến Cầu, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách 6 tháng đầu năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân
sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân
sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân
dân huyện Bến Cầu Khóa XII, Kỳ họp thứ tư về dự toán ngân sách nhà nước và
phương án phân bổ ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính- Kế hoạch tại Tờ trình số
98/TTr-TCKH ngày 12/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm
2024 (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện,
Trưởng Phòng Tài chính- Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ
chức thực hiện Quyết định này ./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Công thông tin;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mềm



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 09 / 8 /2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	426.097	483.759	113,53%	139,55%
I	Thu cân đối NSNN	399.212	380.749	95,38%	150,05%
1	Thu nội địa	120.256	63.897	53,13%	98,06%
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	278.956	316.852	113,59%	168,02%
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	26.885	103.010	383,15%	111,90%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	426.097	293.749	68,94%	122,64%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	372.817	190.404	51,07%	111,57%
1	Chi đầu tư phát triển	48.060	30.938	64,37%	83,66%
2	Chi thường xuyên	317.276	158.997	50,11%	119,32%
3	Dự phòng ngân sách	7.481	469	6,27%	108,31%
II	Chi mục tiêu nhiệm vụ	53.279	103.345	193,97%	150,06%

UBND HUYỆN BẾN CẦU

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 09 / 8 /2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	111.000	59.988	54,04%	95,22%
I	Thu nội địa	111.000	59.988	54,04%	95,22%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	19.250	7.650	39,74%	69,57%
4	Thuế thu nhập cá nhân	26.000	8.764	33,71%	74,68%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	12.000	7.414	61,78%	140,31%
7	Thu phí và lệ phí	2.000	1.227	61,35%	107,16%
8	Các khoản thu về nhà, đất	40.550	26.117	64,41%	92,50%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	39		185,71%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	70	70,00%	148,94%
-	Thu tiền sử dụng đất	40.000	25.935	64,84%	92,47%
-	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	450	73	16,22%	60,33%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	11.000	8.604	78,22%	155,52%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200	212	106,19%	292,92%
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	426.097	483.759	113,53%	190,06%
1	Từ các khoản thu phân chia	120.256	63.897	53,13%	96,90%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	305.841	419.863	137,28%	222,64%



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 09 / 8 /2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	426.097	293.749	68,94%	122,64%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	372.817	190.404	51,07%	111,57%
I	Chi đầu tư phát triển	48.060	30.938	64,37%	83,66%
	- Chi đầu tư cho các dự án	48.060	30.938	64,37%	83,66%
II	Chi thường xuyên	317.276	158.997	50,11%	119,32%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	160.719	78.445	48,81%	137,77%
2	Chi khoa học công nghệ	130	51	39,23%	1700,00%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.895	916	48,34%	124,12%
4	Chi văn hóa, thể thao và truyền thanh	5.489	2.683	48,88%	112,31%
5	Chi bảo vệ môi trường	4.300	511	11,88%	81,63%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	23.626	10.864	45,98%	85,15%
7	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	76.895	37.302	48,51%	73,46%
8	Chi đảm bảo xã hội	15.491	12.070	77,92%	133,81%
III	Dự phòng ngân sách	7.481	469	6,27%	108,31%
B	CHI MỤC TIÊU NHIỆM VỤ	53.279	103.345	193,97%	150,06%

Số: 98 /TTr-TCKH

Bến Cầu, ngày 12 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách 6 tháng đầu năm 2024**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bến Cầu Khóa XII, Kỳ họp thứ tư về dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2024;

Phòng Tài chính- Kế hoạch kính trình Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu xem xét Quyết định công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng năm 2024 như sau:

(Kèm theo các biểu mẫu từ số 93 đến 95/CKTC-NSNN)

Kính trình Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu sớm Quyết định công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 đúng theo Luật định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban LĐ phòng;
- Tổ NS;
- Lưu: VT, TCKH (N).



**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Trần Văn Chia

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 98/TTr-TCKH ngày 12/7 /2024 của Trưởng phòng Tài chính-KH)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	426.097	483.759	113,53%	139,55%
I	Thu cân đối NSNN	399.212	380.749	95,38%	150,05%
1	Thu nội địa	120.256	63.897	53,13%	98,06%
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	278.956	316.852	113,59%	168,02%
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	26.885	103.010	383,15%	111,90%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	426.097	293.749	68,94%	122,64%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	372.817	190.404	51,07%	111,57%
1	Chi đầu tư phát triển	48.060	30.938	64,37%	83,66%
2	Chi thường xuyên	317.276	158.997	50,11%	119,32%
3	Dự phòng ngân sách	7.481	469	6,27%	108,31%
II	Chi mục tiêu nhiệm vụ	53.279	103.345	193,97%	150,06%

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 98/TTr-TCKH ngày 12/7/2024 của Trưởng phòng Tài chính-KH)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	111.000	59.988	54,04%	95,22%
I	Thu nội địa	111.000	59.988	54,04%	95,22%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	19.250	7.650	39,74%	69,57%
4	Thuế thu nhập cá nhân	26.000	8.764	33,71%	74,68%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	12.000	7.414	61,78%	140,31%
7	Thu phí và lệ phí	2.000	1.227	61,35%	107,16%
8	Các khoản thu về nhà, đất	40.550	26.117	64,41%	92,50%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	39		185,71%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	70	70,00%	148,94%
-	Thu tiền sử dụng đất	40.000	25.935	64,84%	92,47%
-	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	450	73	16,22%	60,33%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	11.000	8.604	78,22%	155,52%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200	212	106,19%	292,92%
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	426.097	483.759	113,53%	190,06%
1	Từ các khoản thu phân chia	120.256	63.897	53,13%	96,90%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	305.841	419.863	137,28%	222,64%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 98/TTr-TCKH ngày 12/ 7/2024 của Trưởng phòng Tài chính-KH)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	426.097	293.749	68,94%	122,64%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	372.817	190.404	51,07%	111,57%
I	Chi đầu tư phát triển	48.060	30.938	64,37%	83,66%
	- Chi đầu tư cho các dự án	48.060	30.938	64,37%	83,66%
II	Chi thường xuyên	317.276	158.997	50,11%	119,32%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	160.719	78.445	48,81%	137,77%
2	Chi khoa học công nghệ	130	51	39,23%	1700,00%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.895	916	48,34%	124,12%
4	Chi văn hóa, thể thao và truyền thanh	5.489	2.683	48,88%	112,31%
5	Chi bảo vệ môi trường	4.300	511	11,88%	81,63%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	23.626	10.864	45,98%	85,15%
7	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	76.895	37.302	48,51%	73,46%
8	Chi đảm bảo xã hội	15.491	12.070	77,92%	133,81%
III	Dự phòng ngân sách	7.481	469	6,27%	108,31%
B	CHI MỤC TIÊU NHIỆM VỤ	53.279	103.345	193,97%	150,06%